

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM  
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH NINH THUẬN

**BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN**  
**6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2025**  
(Số liệu tính đến ngày 31/5/2025)

| TT        | Nội dung                                                                                                                                                          | Đơn vị<br>tính | Số lượng       | Kết quả<br>thực hiện so<br>với chỉ tiêu<br>(%) |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Một số tình hình đoàn viên và người lao động</b>                                                                                                               |                |                |                                                |
| 1.        | Số DN nợ lương người lao động                                                                                                                                     | DN             | 0              |                                                |
| 2.        | Số tiền lương DN nợ người lao động                                                                                                                                | đồng           | 0              |                                                |
| 3.        | Số người lao động bị nợ lương                                                                                                                                     | người          | 0              |                                                |
| 4.        | Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN                                                                                                                                    | DN             | 733            | trên tổng số<br>doanh nghiệp<br>toàn tỉnh      |
| 5.        | Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN,<br>trong đó:                                                                                                                 | đồng           | 39.008.023.121 | chậm đóng kéo<br>dài từ 3 tháng trở<br>lên     |
| 6.        | - Số tiền DN nợ đóng BHXH                                                                                                                                         | đồng           | 31.084.518.425 |                                                |
| 7.        | - Số tiền DN nợ đóng BHYT                                                                                                                                         | đồng           | 5.485.503.251  |                                                |
| 8.        | - Số tiền DN nợ đóng BHTN                                                                                                                                         | đồng           | 2.438.001.445  |                                                |
| 9.        | Số người lao động bị DN nợ đóng BHXH,<br>BHYT, BHTN                                                                                                               | người          | 2.769          |                                                |
| 10.       | Số vụ ngừng việc tập thể đã xảy ra                                                                                                                                | vụ             | 0              |                                                |
| 11.       | Tổng số vụ tai nạn lao động                                                                                                                                       | vụ             | 3              |                                                |
| 12.       | Số vụ tai nạn lao động chết người                                                                                                                                 | vụ             | 3              |                                                |
| 13.       | Số người chết vì tai nạn lao động                                                                                                                                 | người          | 3              |                                                |
| <b>II</b> | <b>Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động</b>                                                                            |                |                |                                                |
| 14.       | Tổng số doanh nghiệp, đơn vị có tổ chức Công<br>đoàn đủ điều kiện theo quy định của pháp luật<br>được công đoàn thương lượng, ký kết thoả ước lao<br>động tập thể | DN             | 159            |                                                |
| 15.       | Ký mới thoả ước lao động tập thể ở doanh nghiệp<br>có tổ chức Công đoàn trong kỳ                                                                                  | DN             | 3              | 20%                                            |
| 16.       | Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức<br>Hội nghị CB, CC, VC                                                                                            | đơn vị         | 516            |                                                |
| 17.       | Số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã tổ chức<br>Hội nghị CB, CC, VC                                                                                              | đơn vị         | 516            |                                                |
| 18.       | Số doanh nghiệp nhà nước đã tổ chức Hội nghị<br>NLĐ                                                                                                               | DN             | 8              |                                                |
| 19.       | Số doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước đã tổ                                                                                                                      | DN             | 109            |                                                |

|            |                                                                                                        |            |                |                                                                                                                                                                                                |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | chức Hội nghị NLD                                                                                      |            |                |                                                                                                                                                                                                |
| 20.        | Số doanh nghiệp nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc                                         | DN         | 8              |                                                                                                                                                                                                |
| 21.        | Số doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc                           | DN         | 109            |                                                                                                                                                                                                |
| 22.        | Số CĐCS khu vực HC, SNCL, doanh nghiệp nhà nước tham gia ban hành, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở     | đơn vị     | 524            | 100%                                                                                                                                                                                           |
| 23.        | Số CĐCS doanh nghiệp, đơn vị ngoài khu vực nhà nước tham gia ban hành, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | đơn vị     | 109            | 66%                                                                                                                                                                                            |
| 24.        | Số người được tư vấn pháp luật                                                                         | lượt người | 120            | chủ yếu thực hiện trong Tháng Công nhân và Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động; ngoài ra, đoàn viên, người lao động đến cơ quan công đoàn các cấp để được tư vấn pháp luật trực tiếp. |
| 25.        | Tổng số vụ việc về lao động khởi kiện tại tòa án                                                       | vụ việc    | 0              |                                                                                                                                                                                                |
| 26.        | Số vụ việc về lao động khởi kiện tại tòa án được công đoàn hỗ trợ                                      | vụ việc    | 0              |                                                                                                                                                                                                |
| 27.        | Tổng số đơn vị, doanh nghiệp có tổ chức bữa ăn ca                                                      | đơn vị     | 170            |                                                                                                                                                                                                |
| 28.        | Số đơn vị, doanh nghiệp điều chỉnh tăng giá trị bữa ăn ca trong kỳ báo cáo                             | đơn vị     | 3              |                                                                                                                                                                                                |
| 29.        | Số cuộc CĐ chủ trì/tham gia giám sát                                                                   | cuộc       | 10             |                                                                                                                                                                                                |
| 30.        | Số văn bản công đoàn phản biện                                                                         | văn bản    | 26             |                                                                                                                                                                                                |
| 31.        | Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi                   | lượt người | 39.259         | trong dịp Lễ, Tết, Tháng Công nhân                                                                                                                                                             |
| 32.        | Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi                                                                               | đồng       | 15.449.000.000 |                                                                                                                                                                                                |
| 33.        | Hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà “Mái ấm CĐ”                                                               | nhà        | 1              |                                                                                                                                                                                                |
| 34.        | Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa                                                                       | đồng       | 50.000.000     |                                                                                                                                                                                                |
| <b>III</b> | <b>Công tác thi đua</b>                                                                                |            |                |                                                                                                                                                                                                |
| 35.        | Số sáng kiến (được công nhận)                                                                          | sáng kiến  | 48             |                                                                                                                                                                                                |
| 36.        | Giá trị làm lợi                                                                                        | đồng       | 500.000.000    |                                                                                                                                                                                                |
| 37.        | Tiền thưởng sáng kiến                                                                                  | đồng       | 20.000.000     |                                                                                                                                                                                                |
| 38.        | Số công trình, sản phẩm thi đua (được công nhận)                                                       | CT, SP     | 1              |                                                                                                                                                                                                |
| 39.        | Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua                                                    | đồng       | 950.000.000    |                                                                                                                                                                                                |
| 40.        | Số người đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”                                                        | người      |                | thực hiện trong 6 tháng cuối năm                                                                                                                                                               |
| <b>IV</b>  | <b>Công tác tuyên truyền, giáo dục</b>                                                                 |            |                |                                                                                                                                                                                                |
| 41.        | Số đoàn viên, người lao động được tuyên truyền,                                                        | lượt người | 31.067         | 86%;                                                                                                                                                                                           |

|            |                                                                                                                              |            |        |                                  |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|----------------------------------|
|            | phổ biến, học tập, quán triệt chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước                            |            |        |                                  |
| 42.        | Số công nhân lao động tại các doanh nghiệp tham gia học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp                           | lượt người | 8.955  | 63%;                             |
| 43.        | Số công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp tổ chức các hoạt động Tháng Công nhân                                                  | đơn vị     | 114    | 100%                             |
| <b>V</b>   | <b>Công tác nữ công</b>                                                                                                      |            |        |                                  |
| 44.        | Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thành lập ban nữ công quần chúng                                                       | đơn vị     | 10     |                                  |
| 45.        | Tổng số CĐCS thành lập ban nữ công quần chúng                                                                                | đơn vị     | 1      |                                  |
| 46.        | Tỷ lệ CĐCS doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước có đủ điều kiện đã thành lập ban nữ công quần chúng                           | %          | 1/5    | 20%                              |
| 47.        | Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” các cấp.                                         | người      |        | thực hiện trong 6 tháng cuối năm |
| <b>VI</b>  | <b>Công tác kiểm tra</b>                                                                                                     |            |        |                                  |
| 48.        | Số CD cấp trên trực tiếp cơ sở đã tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp trong kỳ                                | lượt       | 12     | 100%                             |
| 49.        | Số công đoàn cơ sở doanh nghiệp được công đoàn cấp trên kiểm tra, giám sát tài chính                                         | lượt       | 65     | 65%                              |
| <b>VII</b> | <b>Công tác tổ chức</b>                                                                                                      |            |        |                                  |
| 50.        | Tổng số công chức, viên chức, người lao động trực tiếp quản lý                                                               | người      | 43.876 |                                  |
| 51.        | Tổng số đoàn viên công đoàn trực tiếp quản lý                                                                                | người      | 41.682 |                                  |
| 52.        | Số đoàn viên kết nạp mới trong kỳ                                                                                            | người      | 4.545  |                                  |
| 53.        | Tổng số đoàn viên tăng thêm trong kỳ ( <i>sau khi trừ đi số giảm</i> )                                                       | người      | 3.423  | 50%                              |
| 54.        | Tổng số cơ quan, đơn vị đủ điều kiện thành lập tổ chức công đoàn ( <i>bao gồm đã thành lập và chưa thành lập công đoàn</i> ) | đơn vị     | 738    |                                  |
| 55.        | Tổng số công đoàn cơ sở, ND trực tiếp quản lý                                                                                | CĐCS       | 703    |                                  |
| 56.        | Số công đoàn cơ sở mới được thành lập trong kỳ                                                                               | CĐCS       | 8      |                                  |
| 57.        | Số nghiệp đoàn cơ sở mới được thành lập trong kỳ                                                                             | ND         | 0      |                                  |
| 58.        | Số DN có 25 công nhân lao động trở lên                                                                                       | DN         | 2      |                                  |
| 59.        | Số doanh nghiệp có 25 lao động trở lên đã thành lập công đoàn cơ sở                                                          | DN         | 2      |                                  |
| 60.        | Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn                                                      | lượt người | 0      |                                  |
| 61.        | Số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn                              | lượt người | 0      |                                  |
| 62.        | Số chủ tịch công đoàn cơ sở bầu mới trong kỳ                                                                                 | người      | 8      |                                  |
| 63.        | Số chủ tịch công đoàn cơ sở bầu mới được tập                                                                                 | người      | 0      |                                  |

|     |                                                                               |       |    |  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|-------|----|--|
|     | huấn, bồi dưỡng                                                               |       |    |  |
| 64. | Số đoàn viên công đoàn được CĐCS giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp | người | 67 |  |
| 65. | Số đoàn viên công đoàn được kết nạp vào Đảng                                  | người | 50 |  |

Ngày 05 tháng 6 năm 2025